

Số: 61 /QĐ-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”  
Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh  
năm học 2022 – 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định về tiêu chuẩn xét chọn danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” và “Tập thể Sinh viên 5 tốt” cấp Trung ương giai đoạn 2019 – 2023 (sửa đổi, bổ sung) được ban hành kèm Quyết định số 64-QĐ/TWHSV ngày 25/3/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam;

Căn cứ Quy chế danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” được ban hành kèm Quyết định số 80/QĐ-HSV ngày 10/10/2023 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên Việt Nam Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ biên bản Hội nghị Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam Trường ngày 29/12/2023 về việc bình xét danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 – 2023;

Xét đề nghị của Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tặng giấy khen cho 195 sinh viên đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 – 2023 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Ban Thường vụ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường, Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam trường và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP ĐTN.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Hồng Hải



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU**  
**“SINH VIÊN 5 TỐT” TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-DHCN ngày 10 tháng 01 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | Họ và tên       |       | MSSV     | Đơn vị                                           |
|-----|-----------------|-------|----------|--------------------------------------------------|
| 1.  | Đặng Thị Thu    | Am    | 20022241 | Viện Khoa học Công nghệ và<br>Quản lý Môi trường |
| 2.  | Thái Thị Hạnh   | An    | 22732911 | Khoa Thương mại và Du lịch                       |
| 3.  | Liêu Quốc       | An    | 19492401 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực<br>phẩm          |
| 4.  | Đỗ Khánh        | An    | 22709061 | Khoa Công nghệ Điện                              |
| 5.  | Đào Thế         | Anh   | 21006691 | Khoa Luật                                        |
| 6.  | Võ Ngọc Phú     | Anh   | 20019031 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực<br>phẩm          |
| 7.  | Nguyễn Năng     | Anh   | 21116621 | Khoa Công nghệ Thông tin                         |
| 8.  | Nguyễn Bùi Nhân | Anh   | 19526031 | Viện Khoa học Công nghệ và<br>Quản lý Môi trường |
| 9.  | Lê Thị Ngọc     | Ánh   | 19524451 | Khoa Thương mại - Du lịch                        |
| 10. | Nguyễn Gia      | Bảo   | 22728131 | Khoa Công nghệ Động lực                          |
| 11. | Nguyễn Quốc     | Bảo   | 21005141 | Khoa Thương mại - Du lịch                        |
| 12. | Nguyễn Thị Ngọc | Bích  | 22637851 | Khoa Công nghệ Thông tin                         |
| 13. | Cao Hồ          | Biển  | 19445501 | Viện Khoa học Công nghệ và<br>Quản lý Môi trường |
| 14. | Phan Thị Kim    | Chi   | 21127671 | Khoa Quản trị Kinh doanh                         |
| 15. | Võ Trần         | Chí   | 20070381 | Khoa Quản trị Kinh doanh                         |
| 16. | Trần Thanh      | Chiêu | 20078301 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực<br>phẩm          |
| 17. | Biện Thị Thanh  | Diệu  | 20095821 | Viện Tài chính - Kế toán                         |
| 18. | Lê Nguyễn Tấn   | Dũng  | 20079621 | Viện Tài chính - Kế toán                         |
| 19. | Trần Quốc       | Dũng  | 21039531 | Khoa Luật                                        |
| 20. | Phạm Nguyễn Tấn | Duy   | 19523101 | Viện Tài chính - Kế toán                         |
| 21. | Trần Bảo        | Duy   | 20004441 | Khoa Thương mại - Du lịch                        |
| 22. | Phạm Anh        | Duy   | 21092841 | Khoa Luật                                        |

|     |                  |       |          |                                               |
|-----|------------------|-------|----------|-----------------------------------------------|
| 23. | Cao Nguyễn Mỹ    | Duyên | 20098271 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 24. | Nguyễn Thị Kim   | Duyên | 20107191 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 25. | Nguyễn Kỳ        | Duyên | 21077541 | Khoa Luật                                     |
| 26. | Vũ Nhật          | Dương | 21039731 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 27. | Trần Thị Trúc    | Đan   | 20071021 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 28. | Trần Văn         | Đạt   | 20120041 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 29. | Đào Quốc         | Đạt   | 21103711 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 30. | Nguyễn Văn       | Đạt   | 19443791 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 31. | Nguyễn Hải       | Đăng  | 22676161 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 32. | Phan Thanh       | Điền  | 22699071 | Khoa Công nghệ Điện                           |
| 33. | Phạm Khánh       | Đoan  | 20074731 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 34. | Nguyễn Mai Khánh | Đoan  | 21060111 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 35. | Nguyễn Anh       | Đức   | 22696071 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 36. | Nguyễn Tấn       | Đức   | 20091871 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 37. | Hồ Văn Hồng      | Hạnh  | 20088931 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 38. | Bùi Thị Lệ       | Hằng  | 19480251 | Khoa Công nghệ Điện tử                        |
| 39. | Nguyễn Thị Thúy  | Hằng  | 22639351 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 40. | Phạm Ngọc        | Hân   | 19490581 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 41. | Bùi Thị Kim      | Hân   | 21026601 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 42. | Nguyễn Trung     | Hậu   | 21073161 | Khoa Luật                                     |
| 43. | Hoàng Ngọc Trung | Hậu   | 19430591 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 44. | Lý Thị Diệu      | Hiền  | 21092121 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 45. | Lê Trung         | Hiếu  | 19439931 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 46. | Huỳnh Huy        | Hoàng | 2272980  | Khoa Công nghệ Động lực                       |
| 47. | Huỳnh Thanh      | Hoàng | 22653921 | Khoa Công nghệ Động lực                       |
| 48. | Đặng Ngọc        | Hoàng | 21087451 | Khoa Công nghệ Điện tử                        |
| 49. | Đoàn Hồ Gia      | Huy   | 19527811 | Khoa Luật                                     |
| 50. | Nguyễn Minh      | Huyền | 22641881 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |



|     |                  |       |          |                                               |
|-----|------------------|-------|----------|-----------------------------------------------|
| 51. | Trương Thị Thúy  | Huỳnh | 20065511 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 52. | Phạm Thanh       | Hưng  | 21044661 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 53. | Phạm Tấn         | Hưng  | 19484481 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 54. | Nguyễn Thanh     | Hưng  | 19435131 | Khoa Công nghệ Cơ khí                         |
| 55. | Đỗ Đình          | Hưng  | 21130171 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 56. | Trần Minh        | Hy    | 21062821 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 57. | Nguyễn Hoàng     | Kha   | 21100261 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 58. | Nguyễn Lê Thành  | Khang | 22721361 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 59. | Hoàng Anh Huy    | Khánh | 21111561 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 60. | Nguyễn Gia       | Khánh | 22677631 | Khoa Kỹ thuật Xây dựng                        |
| 61. | Nguyễn           | Khôi  | 22655511 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 62. | Nguyễn Thị       | Là    | 21046531 | Khoa Thương mại và Du lịch                    |
| 63. | Vũ Thị Hồng      | Liên  | 20117391 | Khoa Luật                                     |
| 64. | Trần Hoàng Khánh | Linh  | 20010991 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 65. | Phan Thị Thuỳ    | Linh  | 21039271 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 66. | Nguyễn Thị Thùy  | Linh  | 19435441 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 67. | Đoàn Thị Mai     | Linh  | 21066721 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 68. | Đỗ Thị Mỹ        | Linh  | 21059981 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 69. | Phan Thị         | Loan  | 19438011 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 70. | Dương Tường      | Long  | 21080371 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 71. | Bùi Văn          | Long  | 22672961 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 72. | Nguyễn Thị Bảo   | Ly    | 22656651 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 73. | Huỳnh Thị Ngọc   | Mai   | 19499701 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 74. | Trần Nguyễn Hiền | Mai   | 22718891 | Khoa Thương mại và Du lịch                    |
| 75. | Trần Thị Thanh   | Mai   | 20035921 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 76. | Nguyễn Hoàng Bảo | Minh  | 19478291 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 77. | Phùng Đình Quang | Minh  | 21073991 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 78. | Phạm Trung       | Minh  | 20060291 | Khoa Ngoại ngữ                                |

|      |                  |        |          |                                               |
|------|------------------|--------|----------|-----------------------------------------------|
| 79.  | Nguyễn Khôi      | Minh   | 22701231 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 80.  | Phạm Thị Bích    | Na     | 21139651 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 81.  | Nguyễn Hải       | Nam    | 19434601 | Khoa Luật                                     |
| 82.  | Cao Duy          | Nam    | 19433181 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 83.  | Nguyễn Văn       | Nam    | 21046401 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 84.  | Phan Nguyễn Thảo | Ngân   | 21044361 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 85.  | Võ Thị Kim       | Ngân   | 21040641 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 86.  | Đặng Bảo         | Ngân   | 19478961 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 87.  | Võ Thúy          | Ngân   | 20012281 | Khoa Thương mại và Du lịch                    |
| 88.  | Vũ Trần Hồng     | Ngân   | 19521651 | Khoa Luật                                     |
| 89.  | Nguyễn Thị Kim   | Ngọc   | 20013641 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 90.  | Nguyễn Thị Bích  | Ngọc   | 20074641 | Khoa Luật                                     |
| 91.  | Nguyễn Thị Bích  | Ngọc   | 19504401 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 92.  | Nguyễn Đàm Bảo   | Ngọc   | 21115481 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 93.  | Nguyễn Trần      | Nguyên | 19446411 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 94.  | Nguyễn Đặng Thảo | Nguyên | 21065711 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 95.  | Châu Hữu         | Nhân   | 20010621 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 96.  | Trần Nguyễn Yến  | Nhi    | 20105101 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 97.  | Ngô Thùy         | Nhi    | 20033961 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 98.  | Lê Thị Yến       | Nhi    | 19498701 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 99.  | Trương Ngọc Bảo  | Nhi    | 21029871 | Khoa Luật                                     |
| 100. | Đỗ Thị Ngọc      | Nhung  | 21015021 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 101. | Nguyễn Thị Hồng  | Nhung  | 21031641 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 102. | Huỳnh Thị Thiện  | Như    | 19482961 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 103. | Trần Thị Quỳnh   | Như    | 21114021 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 104. | Phạm Thị Ni      | Ni     | 21124261 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 105. | Nguyễn Thị Thu   | Oanh   | 20024051 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 106. | Lê Thị Kim       | Oanh   | 22632471 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |



|      |                    |        |          |                                               |
|------|--------------------|--------|----------|-----------------------------------------------|
| 107. | Trần Trường        | Phát   | 21111331 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 108. | Nguyễn Thanh       | Phới   | 21077161 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 109. | Nguyễn Tỷ          | Phú    | 20022491 | Khoa Công nghệ Động lực                       |
| 110. | Nguyễn Duy         | Phúc   | 20036591 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 111. | Nguyễn Thị Kim     | Phụng  | 19490161 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 112. | Tô Mỹ              | Phương | 21040661 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 113. | Cao Thị Thu        | Phương | 21091651 | Khoa Luật                                     |
| 114. | Lâm Bạch Bảo       | Phương | 20013511 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 115. | Nguyễn Trung Khánh | Phương | 20035081 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 116. | Nguyễn Đình        | Phương | 19436571 | Khoa Công nghệ Điện                           |
| 117. | Phan Nguyễn Mai    | Phương | 19469121 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 118. | Huỳnh Thanh        | Quang  | 19479891 | Khoa Công nghệ Hóa học                        |
| 119. | Trần Minh          | Quân   | 19452681 | Khoa Công nghệ Hóa học                        |
| 120. | Tô Hoàng Minh      | Quân   | 21122571 | Khoa Công nghệ Điện                           |
| 121. | Phạm Thị Diễm      | Quỳnh  | 22003625 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 122. | Trương Diễm        | Quỳnh  | 20033481 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 123. | Huỳnh Thị Như      | Quỳnh  | 21026361 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 124. | Nguyễn Trúc        | Quỳnh  | 21030181 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 125. | Trương Mạnh        | Quỳnh  | 22715721 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 126. | Nguyễn Thanh       | Sang   | 21007421 | Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh                     |
| 127. | Võ Hữu             | Sang   | 19479541 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 128. | Bạch Văn Hiền      | Sĩ     | 20036101 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 129. | Nguyễn Thái        | Sơn    | 21021511 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 130. | Nguyễn Thị Thu     | Sương  | 20084401 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 131. | Đỗ Tấn             | Tài    | 20015651 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 132. | Võ Mộng Hoài       | Tâm    | 21020701 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 133. | Trần Thị Hồ        | Tâm    | 20075961 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 134. | Lê Phạm Duy        | Tân    | 21021941 | Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh                     |



|      |                   |        |          |                                               |
|------|-------------------|--------|----------|-----------------------------------------------|
| 135. | Võ Minh           | Tấn    | 22653251 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 136. | Đặng Duy          | Thành  | 21078851 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 137. | Nguyễn Công Chí   | Thảo   | 19439921 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 138. | Nguyễn Thanh      | Thảo   | 19439471 | Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh                     |
| 139. | Đoàn Văn          | Thắng  | 20034571 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 140. | Hà Huy            | Thắng  | 21068541 | Khoa Luật                                     |
| 141. | Trần Thị Diệu     | Thiện  | 19490551 | Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm          |
| 142. | Phạm Huỳnh Phú    | Thịnh  | 22639451 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 143. | Nguyễn Thị Anh    | Thơ    | 20008361 | Khoa Công nghệ Cơ khí                         |
| 144. | Nguyễn Thị Cẩm    | Thu    | 19442201 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 145. | Nguyễn Minh       | Thuận  | 20012911 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 146. | Trần Thị Kim      | Thúy   | 21067601 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 147. | Nguyễn Phạm Anh   | Thư    | 21016201 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 148. | Nguyễn Đoàn Minh  | Thư    | 20086001 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 149. | Trần Thị Anh      | Thư    | 21019051 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 150. | Lê Thị Anh        | Thư    | 20040411 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 151. | Thái Thị Anh      | Thư    | 20024171 | Khoa Kỹ thuật Xây dựng                        |
| 152. | Nguyễn Anh        | Thư    | 20088851 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 153. | Võ Thị Minh       | Thư    | 21107421 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 154. | Quách Huỳnh       | Thương | 20010861 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 155. | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | 20114611 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 156. | Nguyễn Ngọc Kiều  | Thương | 19496371 | Khoa Luật                                     |
| 157. | Trương Lý Hàn     | Thương | 20025891 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 158. | Nguyễn Lê         | Thy    | 22678801 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 159. | Nguyễn Hoàng Dược | Ti     | 21137621 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 160. | Lê Thị Kiều       | Tiên   | 19484241 | Khoa Công nghệ Hóa học                        |
| 161. | Võ Minh           | Tiến   | 20064421 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 162. | Trần Thị Kim      | Tòa    | 21071891 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 163. | Nguyễn Thị Mỹ     | Trang  | 19439531 | Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh                     |
| 164. | Trần Thị Phương   | Trâm   | 21048221 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |



|      |                   |       |          |                                               |
|------|-------------------|-------|----------|-----------------------------------------------|
| 165. | Nguyễn Phạm Thanh | Trâm  | 20117501 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 166. | Phạm Thị Bích     | Trâm  | 21086331 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 167. | Nguyễn Thị Bảo    | Trân  | 21040581 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 168. | Trần Huyền        | Trân  | 21020611 | Khoa Ngoại ngữ                                |
| 169. | Ngô Bảo           | Trân  | 20078101 | Khoa Luật                                     |
| 170. | Thang Hưng Thống  | Trị   | 22718711 | Khoa Công nghệ Động lực                       |
| 171. | Trương Đức        | Triết | 20040941 | Khoa Công nghệ Cơ khí                         |
| 172. | Hoàng Mai         | Trình | 19436611 | Khoa Luật                                     |
| 173. | Phạm Nguyễn Thanh | Trúc  | 19523911 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 174. | Hà Thị Thanh      | Trúc  | 20053041 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 175. | Đinh Nhật         | Trung | 19441801 | Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh                     |
| 176. | Phạm Quang        | Trung | 22680271 | Khoa Công nghệ Điện                           |
| 177. | Nguyễn Trần Anh   | Tuấn  | 20042641 | Khoa Kỹ thuật Xây dựng                        |
| 178. | Đoàn Hữu          | Tuấn  | 20118771 | Khoa Luật                                     |
| 179. | Trần Đức          | Tùng  | 20074801 | Khoa Công nghệ Động lực                       |
| 180. | Võ Trương Ngọc    | Tuyền | 22685921 | Viện Tài chính - Kế toán                      |
| 181. | Võ Mai Ngọc       | Tuyền | 21069481 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 182. | Đặng Ngọc Cẩm     | Uyên  | 20055461 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 183. | Nguyễn Thị        | Uyên  | 21128911 | Khoa Công nghệ May - Thời trang               |
| 184. | Trần Thảo         | Uyên  | 21119811 | Khoa Thương mại và Du lịch                    |
| 185. | Nguyễn Văn        | Vàng  | 19432201 | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường |
| 186. | Trần Đoàn Ái      | Vi    | 19430251 | Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh                     |
| 187. | Nguyễn Minh       | Vi    | 22719261 | Khoa Luật                                     |
| 188. | Mai Trịnh Triệu   | Vĩ    | 21060401 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 189. | Nguyễn Trần Hữu   | Vinh  | 19536241 | Khoa Kỹ thuật Xây dựng                        |
| 190. | Phạm Duy          | Vũ    | 20000445 | Khoa Công nghệ Thông tin                      |
| 191. | Trần Đặng         | Vương | 20018111 | Khoa Công nghệ Cơ khí                         |
| 192. | Trần Khánh        | Vy    | 21033041 | Khoa Quản trị Kinh doanh                      |
| 193. | Đinh Thúy         | Vy    | 22666041 | Khoa Thương mại - Du lịch                     |
| 194. | Trần Bảo          | Xuyên | 20016231 | Khoa Công nghệ Điện                           |



|      |                    |     |          |                           |
|------|--------------------|-----|----------|---------------------------|
| 195. | Huỳnh Nguyễn Hoàng | Yến | 21035871 | Khoa Thương mại - Du lịch |
|------|--------------------|-----|----------|---------------------------|

*Danh sách gồm 195 cá nhân.*

